

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS-ST

Ngày: 31-01-2024

V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tấn Bình;

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung;

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần L, sinh năm 1998; nơi cư trú: số 36/2, tổ 9, khu 2, đường chùa H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Văn S, sinh năm 1983; nơi thường trú: 523/26/7, Lê Văn K, khu phố 5, phường H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: số 06, đường Huỳnh Văn L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 6 năm 2023), có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Duy T, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Trần L là ông Trịnh Văn S trình bày:

Anh Trần L và anh Trần Duy T là bạn bè, anh L cho anh T vay tiền 05 lần, tổng cộng là 4.000.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 30 tháng 6 năm 2019, anh L cho anh T vay 50.000.000 đồng, có lập hợp đồng vay tiền.

Lần 2: Ngày 02 tháng 7 năm 2019, anh L cho anh T vay 60.000.000 đồng, bằng tiền mặt, có lập hợp đồng vay tiền.

Lần 3: Ngày 10 tháng 8 năm 2019, anh L cho anh T vay 300.000.000 đồng, bằng tiền mặt, có lập hợp đồng vay tiền.

Lần 4: Ngày 18 tháng 10 năm 2019, anh L cho anh T vay 1.200.000.000 đồng, bằng tiền mặt, có lập hợp đồng vay tiền.

Lần 5: Ngày 23 tháng 12 năm 2019, anh L cho anh T vay 2.390.000.000 đồng. Việc, giao nhận số tiền này, anh L đưa trực tiếp cho anh T, không lập văn bản.

Mục đích anh T vay tiền là đầu tư cơ sở nuôi yến tại tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 3 năm 2020, tại Văn phòng thừa phát lại B, anh L và anh T yêu cầu lập Vi bằng số 116, quyền số: 01-2020/VB đề ngày 07 tháng 3 năm 2020. Vi bằng có nội dung: anh Trần L và anh Trần Duy T có thỏa thuận, cam kết với nhau về nội dung vay tiền và cam kết trả tiền vay như sau:

Về lãi suất: anh L đồng ý không tính lãi đối với toàn bộ số tiền mà anh T đã vay là 4.000.000.000 đồng, kể từ ngày lập vi bằng cho đến ngày anh L ấn định thu hồi tiền vay.

Về phương thức thu hồi tiền vay: khi anh L có nhu cầu thu hồi tiền vay (nợ gốc) thì anh L có nghĩa vụ thông báo trước cho anh T về việc thu hồi tiền vay, thời hạn báo trước là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày ấn định thu hồi tiền vay. Hình thức thông báo: trực tiếp bằng lời nói; điện thoại hoặc gửi thư thông báo (trực tiếp hoặc thông qua Bưu điện) theo địa chỉ của anh T nêu trong vi bằng và số điện thoại của anh T đã sử dụng, cung cấp cho anh L.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày ấn định thu hồi tiền, anh T có nghĩa vụ thanh toán đủ một lần, số tiền vay: 4.000.000.000 đồng cho anh L; phương thức thanh toán: 01 đến 02 lần, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ấn định thu hồi tiền trên; hình thức trả tiền: bằng tiền mặt (thanh toán trực tiếp cho anh L tại địa chỉ cư trú của anh L ghi trong vi bằng).

Anh T cam kết sẽ thực hiện đúng nội dung trả tiền vay nêu trên cho anh L.

Trường hợp anh T không thực hiện đúng nội dung trả nợ số tiền nêu trên thì anh L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời, anh T cam kết sẽ

chịu mọi chi phí (bao gồm: phí luật sư, án phí, chi phí tố tụng, chi phí khác (nếu có) phát sinh liên quan đến yêu cầu giải quyết đối với khoản nợ vay của anh T nêu trên.

Sau khi lập Vi bằng, anh T đã liên hệ và thanh toán cho anh L được số tiền nợ gốc là 1.610.000.000 đồng, bằng tiền mặt, còn nợ lại anh L 2.390.000.000 đồng.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, anh L gửi Thư yêu cầu thanh toán yêu cầu anh T thanh toán số nợ gốc còn lại, tuy nhiên cho đến nay, anh T không thanh toán.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn anh Trần L yêu cầu anh Trần Duy T thanh toán số tiền đã vay là 2.390.000.000 đồng và tiền lãi đến khi thanh toán xong nợ gốc, tạm tính từ ngày 10 tháng 5 năm 2023 cho đến 11 tháng 6 năm 2023 là 0.83%/tháng = 19.837.000 đồng. Tổng cộng tạm tính là 2.409.837.000 đồng.

Tài liệu chứng cứ anh L cung cấp là: Thư yêu cầu thanh toán đề ngày 25 tháng 4 năm 2023 và Vi bằng số 116, quyền số: 01-2020/VB ngày 07 tháng 3 năm 2020 của Văn phòng thừa phát lại B.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Trần Duy T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, anh T không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc yêu cầu trả nợ vay của anh Trần L và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T.

Theo phiếu yêu cầu xác minh, Công an xã L xác định anh T đã chuyển xuống T (không rõ địa chỉ cụ thể) sống từ năm 2019 đến nay, hiện anh T không còn cư trú tại địa phương. Tòa án yêu cầu người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cung cấp địa chỉ hiện nay của anh T làm cơ sở giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau: Qua xác minh tìm hiểu các nguồn thông tin, nguyên đơn chỉ biết nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng tiếp tục giải quyết vụ án và có đơn đề nghị Tòa án tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng làm cơ sở giải quyết vụ án. Chi phí đối với việc thông báo, nguyên đơn đồng ý chịu.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng đã ra quyết định Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn là anh Trần Duy T.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Trần L là ông Trịnh Văn S trình bày như sau:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu trả nợ gốc số tiền là 2.390.000.000 đồng.

Về tiền lãi: yêu cầu trả lãi đối với số tiền đã vay cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, tính lãi từ ngày 10 tháng 6 năm 2023 cho đến khi Tòa án xét xử (ngày 31 tháng 01 năm 2024) với mức lãi suất $0.83\%/tháng = 2.390.000.000 \times 0.83\%/tháng \times 7 \text{ tháng} = 149.239.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền yêu cầu bị đơn thanh toán cả gốc và lãi là 2.539.239.000 đồng.

Bị đơn anh Trần Duy T được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) như thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải, triệu tập nguyên đơn, bị đơn.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự theo quy định Điều 68 của BLTTDS.

Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 của BLTTDS.

Về trình tự thụ lý thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 195 của BLTTDS, thông báo thụ lý cho đương sự và viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 196 của BLTTDS.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của BLTTDS.

Việc chuyển giao hồ sơ và gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 220 của BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa tuy nhiên vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

+ Nguyên đơn trình bày: xuất phát từ mối quan hệ quen biết, khoảng năm 2019 ông Trần Duy T có đầu tư cơ sở nuôi yến tại Đồng Tháp tuy nhiên việc kinh doanh gặp khó khăn nên đã nhiều lần yêu cầu ông L vay tiền với tổng số tiền là 4.000.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 30 tháng 6 năm 2019, ông T vay 50.000.000 đồng;

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, ông T vay 60.000.000 đồng;

Ngày 10 tháng 8 năm 2019, ông T vay số tiền 300.000.000 đồng;

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, ông T vay số tiền 1.200.000.000 đồng;

Ngày 23 tháng 12 năm 2019, ông T vay số tiền 2.390.000.000 đồng.

Đến ngày 07 tháng 3 năm 2020, ông L và ông T đến văn phòng thừa phát lại thị xã B để xác lập vi bằng xác nhận lại số nợ. Theo đó các bên xác nhận tổng số tiền vay là 4.000.000.000 đồng.

Về lãi suất: các bên không thỏa thuận lãi suất. Quá trình thanh toán nguyên đơn xác nhận số tiền bị đơn còn nợ lại là 2.390.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ cùng lãi suất chậm thanh toán.

+ Đối với bị đơn: Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

+ Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về tiền nợ gốc: Tại vi bằng xác lập ngày 07 tháng 3 năm 2020 có chữ ký, chữ viết họ tên của người hẹn trả tiền là anh T, thể hiện người cho vay là anh L, người vay là anh T xác lập giao nhận số tiền 4.000.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho anh T thông qua thủ tục cấp, tổng đạt trực tiếp và thủ tục niêm yết công khai theo Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được coi là hợp lệ. Anh T đã được tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, tuy nhiên, anh T không đến Tòa để tham gia tố tụng, cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của anh L. Mặc nhiên, anh T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do anh L đưa ra. Có cơ sở xác định: việc vay tiền giữa các bên là có thật, các bên có thỏa thuận thời gian trả nợ và không có lãi nên đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và không có lãi. Khi đến hạn thanh toán, anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên anh L khởi kiện là có căn cứ.

Về phần lãi: Xét mức lãi suất theo yêu cầu của anh L là 0,83%/tháng (10%/năm), không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (09%/năm, tức 0,75%/tháng), cũng phù hợp với khoản 2 Điều 468 của Bộ

luật Dân sự năm 2015; xét thời gian trả tiền lãi theo yêu cầu của anh L là hoàn toàn phù hợp.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Trần L khởi kiện anh Trần Duy T, yêu cầu anh T trả cho anh L số tiền đã vay và tiền lãi, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Trần Duy T có nơi thường trú tại ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì bằng ghi nhận nơi thường trú của anh T tại ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương. Quá trình tố tụng xác minh nơi thường trú của anh T tại ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương, anh T không còn ở địa chỉ ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương mà chuyển xuống thành phố T không rõ địa chỉ cụ thể, như vậy anh T thay đổi địa chỉ nhưng không báo thuộc trường hợp có tình dẫu địa chỉ, Tòa án tiến hành thủ tục đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng làm cơ sở để giải quyết vụ án.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Trần Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về nợ gốc:

Anh Trần L cho anh Trần Duy T vay tiền 05 lần, tổng cộng là 4.000.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 30 tháng 6 năm 2019, anh L cho anh T vay 50.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 02 tháng 7 năm 2019, anh L cho anh T vay 60.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 10 tháng 8 năm 2019, anh L cho anh T vay 300.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 18 tháng 10 năm 2019, anh L cho anh T vay 1.200.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 23 tháng 12 năm 2019, anh L cho anh T vay 2.390.000.000 đồng.

Ngày 07 tháng 3 năm 2020, tại Văn phòng thừa phát lại B, anh L và anh T cùng lập Vi bằng số 116, quyền số: 01-2020/VB đề ngày 07 tháng 3 năm 2020 xác nhận số nợ gốc anh T nợ anh L là 4.000.000.000 đồng.

Sau khi lập Vi bằng, anh T trả cho anh L số tiền nợ gốc là 1.610.000.000 đồng, còn nợ lại 2.390.000.000 đồng.

Anh Trần L yêu cầu anh Trần Duy T phải thanh toán nợ bằng thư yêu cầu thanh toán đề ngày 25 tháng 4 năm 2023, cho đến nay anh T vẫn không thanh toán tiền cho anh L.

Đây là những tình tiết, sự kiện nguyên đơn đưa ra, bị đơn không phản đối nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Có cơ sở xác định hợp đồng vay tiền giữa anh Trần L và anh Trần Duy T là có thật, do hai bên tự nguyện thỏa thuận giao kết với nhau. Hai bên xác lập lại giao dịch bằng văn bản, khi giao kết hợp đồng, hai bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận trong không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và có ý nghĩa ràng buộc trách nhiệm pháp lý giữa các bên. Hợp đồng vay giữa anh Trần L và anh Trần Duy T là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý. Do đó, anh Trần L yêu cầu anh Trần Duy T trả số tiền nợ gốc 2.390.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về tiền lãi: Anh Trần L yêu cầu anh Trần Duy T trả lãi đối với số tiền đã vay cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2023 cho đến khi Tòa án xét xử (ngày 31 tháng 01 năm 2024) = $2.390.000.000 \times 0.83\%/tháng \times 7 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 149.239.000$ đồng. Hợp đồng vay tiền giữa anh L và anh T thuộc trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 ($10\%/năm$ của khoản tiền vay) trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả từ khi nợ quá hạn đến thời điểm trả nợ (thời điểm xét xử sơ thẩm), trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Tiền lãi chậm thanh toán Hội đồng xét xử xác định như sau: $2.390.000.000 \times 0.83\%/tháng \times 7 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 149.239.000$ đồng.

Xét, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu và thời gian tính lãi là phù hợp quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 5, 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11 tháng 01 năm 2019 Hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ các phân tích nêu trên xét yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn phải trả 2.390.000.000 đồng nợ gốc và 149.239.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 2.539.239.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Anh Trần L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Duy T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 92, 147, các Điều 227, 228, 238, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11 tháng 01 năm 2019 Hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần L đối với bị đơn anh Trần Duy T về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

Buộc anh Trần Duy T phải trả cho anh Trần L tổng số tiền 2.539.239.000 (hai tỷ năm trăm ba mươi chín triệu hai trăm ba mươi chín nghìn) đồng, trong đó bao gồm: 2.390.000.000 (hai tỷ ba trăm chín mươi triệu) đồng nợ gốc và 149.239.000 (một trăm bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi chín nghìn) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Anh Trần L không phải chịu án phí. Hoàn lại cho anh L 40.098.370 (bốn mươi triệu không trăm chín mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi) đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0010308 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Anh Trần Duy T phải nộp 82.784.780 (tám mươi hai triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết